|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH NINH THUẬN** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /HD-UBND | *Ninh Thuận, ngày tháng 8 năm 2024* |

**(DỰ THAO)**

**HƯỚNG DẪN**

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021của HĐND tỉnh Quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.**

Căn cứ Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021của HĐND tỉnh Quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn triển khai một số nội dung như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

Hướng dẫn Quy định khu vực không được phép chăn nuôi, vùng nuôi chim yến và đối tượng được chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định củaNghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh.

**2. Yêu cầu**

- Các Sở ngành, địa phương liên quan căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật kịp thời, có hiệu quả.

- Các cơ sở chăn nuôi *(trừ nhà yến)* trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp trước ngày 02 tháng 01 năm 2025.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn đảm bảo đúng đối tượng, đúng nội dung theo quy định, công khai, minh bạch.

**II. QUY ĐỊNH KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI, VÙNG NUÔI CHIM YẾN**

1. Quy định khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định tại Điều 3 Nghịquyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021của HĐND tỉnh.

2. Vùng nuôi chim yến theo quy định tại Điều 4 Nghịquyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021của HĐND tỉnh.

3. Đối với các cơ sở chăn nuôi *(trừ nhà yến)* đã xây dựng và hoạt động trước ngày Nghị quyết ban hành (ngày 11/12/2021):

a) Các cơ sở chăn nuôi không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị thì không được cơi nới, mở rộng quy mô chăn nuôi và phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp trước ngày 02 tháng 01 năm 2025.

b) Các cơ sở chăn nuôi không thuộc khu vực không được phép chăn nuôi nhưng không đáp ứng điều kiện chăn nuôi, thì phải hoàn thiện điều kiện chăn nuôi đáp ứng theo quy định của pháp luật trước ngày 02 tháng 01 năm 2025.

c) Các cơ sở chăn nuôi phát sinh trong khu vực không được phép chăn nuôi sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01 ttháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan

4. Đối với các nhà yến không đáp ứng quy định tại Điều 4 của Nghị quyết thì phải giữ nguyên trạng, không được cơi nới và không được sử dụng loa phóng phát âm thanh; nhà yến cách khu dân cư, công sở, trường học, bệnh viện, chợ tối thiểu 300 m thìkhông sử dụng loa phóng phát âm thanh.

**III.** **CHÍNH SÁCH HỖ TRỘ KHI DI DỜI CƠ SỞ CHĂN NUÔI RA KHỏI KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI**

1. Đối tượng hỗ trợ: theo đúng quy định tại khoản 1,Điều 5, Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021của HĐND tỉnh.

2. Nguyên tắc hỗ trợ: theo đúng quy định tại khoản 2,Điều 5, Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021của HĐND tỉnh.

3. Nội dung hỗ trợ và nguồn kinh phí: theo đúng quy định tại khoản 3,4Điều 5, Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021của HĐND tỉnh.

4. Thời gian áp dụng: Bắt đầu thực hiện hỗ trợ từ năm 2022 đến hết ngày 02/01/2025.

5. Hồ sơ hỗ trợ

a) Đơn đề nghị hỗ trợ và cam kết ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo tại Phụ lục của hướng dẫn này.

b) Biên bản kiểm tra của Hội đồng kiểm tra, thành phần Hội đồng kiểm tra gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn (*sau đây* *gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã*), phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện, phòng Kinh tế thành phố (*sau đây* *gọi chung là phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Kinh tế thành phố*)xác minh số lượng vật nuôi, quy mô chăn nuôi, nhu cầu hỗ trợ cụ thể của từng cơ sở chăn nuôi thời gian từ ngày 25 đến ngày 30 của tháng cuối quý theo Mẫu số 1 - Bảng kê khai chăn nuôi ban hành kèm theo tại Phụ lục của Hướng dẫn này.

**III. LẬP KẾ HOẠCH, DỰ TOÁN, THANH QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

**1. Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí**

a) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (*sau đây* *gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp* *huyện*) xây dựng kế hoạch và nhu cầu dự toán kinh phí năm sau (di dời cơ sở chăn nuôi và dự toán kinh phí thực hiện chính sách trên địa bàn theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo tại Phụ lục của Hướng này; kèm theo tài liệu thuyết minh cụ thể về địa điểm, quy mô, đối tượng, đơn vị thực hiện) gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 25 tháng 6 hàng năm.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thẩm định, lập kế hoạch và dự toán kinh phí năm sau hỗ trợ cho các huyện, thành phố để thực hiện chính sách, gửi Sở Tài chính (trước ngày 30 tháng 9 hàng năm) có ý kiến về nguồn kinh phí thực hiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch năm sau để triển khai thực hiện chính sách.

**2. Quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí**

Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện phân bổ dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí đảm bảo đúng đối tượng và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định hiện hành.

**3. Thủ tục thanh toán, quyết toánchính sách hỗ trợ**

Thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Các cơ sở chăn nuôi lập 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định và nộpvề Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước2: Trên cơ sở các hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các cơ sở chăn nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, tổng hợpvà nộp vềphòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Kinh tế thành phố.

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Kinh tế thành phố phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch cùng cấp tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định hỗ trợ. Nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, phải thông báo và nêu rõ lý do cho các chủ thể đề nghị hỗ trợ phải hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Bước 4: Căn cứ quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Kho bạc Nhà nước huyện, thành phố chi tiền hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng được hưởng chính sách theo đúng các quy định của pháp luật.

**IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, địa phương liên quan căn cứ nhu cầu và khả năng nguồn kinh phí thực hiện, xây dựng kế hoạch thực hiện hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh (*nhiệm vụ, nguồn kinh phí thực hiện,… )* gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưutrình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phân bổ cho các địa phương thực hiện theo quy định ngân sách hiện hành.

b) Chủ trì, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc tự di dời cơ sở đến khu vực được phép chăn nuôi phù hợp theo quy định tại Quyết định này và các quy định pháp luật khác hiện hành.

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đảm bảo an ninh, trật tự quá trình thực hiện chính sách hỗ trợ di dời và quá trình thực hiện di dời của các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; tổ chức kiểm tra, giám sát kết quả triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

d) Định kỳ hàng năm, tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ cơ sở chăn nuôi khi ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc tự di dời cơ sở đến khu vực được phép chăn nuôi phù hợp.

**2. Sở Tài chính**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí sự nghiệp hàng năm để thực hiện chính sách.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp để triển khai thực hiện chính sách của các huyện, thành phố.

**3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí lồng ghép các nguồn vốn từ Chương trình Mục tiêu quốc gia, nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương, nguồn từ các chương trình, dự án có liên quan để thực hiện chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh hàng năm.

**4. Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh:** Chỉ đạo các Ngân hàng thương mại trong hệ thống Ngân hàng nhà nước, Quỹ đầu tư phát triển tỉnh có chính sách hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp, cơ sở chăn nuôi được vay vốn để đầu tư phát triển chăn nuôi.

**5.** Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính  
trị - xã hội tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các quy định, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyêt số 20/2022/QĐ-UBND và các quy định của pháp luật trong lĩnhvực chăn nuôi; vận động đoàn viên, hội viên, quần chúng Nhân dân, cơ sở chăn nuôi thực hiện ngừng chăn nuôi hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi theo quy định; đồng thời tăng cường giám sát, phản biện việc tổ chức triển khai chính sách hỗ trợ.

**6. Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Ninh Thuận**

Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về chính sách hỗ trợ để các ngành, các cấp, Nhân dân, cơ sở chăn nuôi biết, đồng thuận tham gia tích cực, hiệu quả Nghị quyết.

**7. Trách nhiệm các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan:**

Trong phạm vi chức năng quản lý Nhà nước theo ngành lĩnh vực phụ trách có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã để phối hợp tổ chức thực hiện các quy định, chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

**8.** **Trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện**

a) Chủ động, tổ chức tuyên truyền, vận động người dân có cơ sở chăn nuôi trên địa bàn về các quy định, chính sách hỗ trợ tại Quyết định này để người dân đồng thuận, chấp hành thực hiện đạt hiệu quả; có trách nhiệm rà soát, thống kê, tổng hợp chính xác, đầy đủ các cơ sở chăn nuôi thuộc diện di dời; ký cam kếtgiữ nguyên trạng, không mở rộng quy mô và công xuất chuồng trại trên địa bàn.

b) Hàng năm, lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp đúng thời gian theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Mục III của Hướng này.

c) Tổ chức thực hiện việc di dời cơ sở đến khu vực được phép chăn nuôi phù hợp; sử dụng nguồn ngân sách địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để tổ chức triển khai có hiệu quả các nội dung hỗ trợ của chính sách đảm bảo công khai minh bạch, chính xác, đúng đối tượng, đúng nội dung theo quy định.

d) Thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ đúng đối tượng, mức hỗ trợ và quyết toán theo quy định ngân sách Nhà nước hiện hành.

e)Tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, hiệu quả của chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi trên địa bàn theo định kỳ hàng năm.

g) Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách ở địa phương; kiểm tra, xử lý các trường hợp phát hiện đối tượng lợi dụng chính sách, các sơ cơ sơ chăn nuôi không chấp hành các quy định tại Quyết định này theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01 ttháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

h) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân trên địa bàn biết, tham gia, tổ chức thực hiện tốt chính sách hỗ trợ trên địa bàn; vận động cơ sở chăn nuôi đăng ký, ký cam kết thực hiện ngừng chăn nuôi hoặc di dời cơ sở ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi để tổ chức thực hiện có hiệu quả quy định này trên địa bàn.

- Thực hiện hỗ trợ kinh phí và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo đúng chế độ quy định; định kỳ hàng quý, báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân cấp huyện.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện chính sách ở địa phương; kiểm tra, xử lý các trường hợp phát hiện đối tượng lợi dụng chính sách, các sơ cơ sơ chăn nuôi không chấp hành các quy định tại Nghị quyết 20/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để xử lý theo thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 14/2021/NĐ-CP ngày 01 ttháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về chăn nuôi và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

**9. Trách nhiệm** **tổ chức, cá nhân hoạt động chăn nuôi**

a) Kê khai trung thực, chính xác việc sản xuất chăn nuôi, cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu hồ sơ liên quan về cơ sở chăn nuôi, việc cam kết đã ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc di dời cơ sở ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác đối với các thông tin, tài liệu, hồ sơ cung cấp; thực hiện các quyền lợi, nghĩa vụ theo các quy định, chính sách hỗ trợ liên quan ban hành tại Quyết định này và không thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, gây mất tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

b) Chịu sự kiểm tra, thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Căn cứ nội dung hướng dẫn tại Công văn này, Giám đốc các Sở, nhàng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc phản ánh kịp thời bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. /.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  - TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;  - CT, các PCT UBND tỉnh;;  - Như mục IV;  - Chi cục Chăn nuôi và Thú y;  - Trung tâm CNTT và Truyền thông;  - Cổng thông tin điện tử tỉnh;  - VPUB: LĐ, KTTH;  - Lưu: VT, HC | **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Trịnh Minh Hoàng** |

**Phụ lục:**

**Mẫu đơn đề nghi hỗ trợ và mẫu bảng tỗng hợp kết quả thực hiện**

**hỗ trợ cơ sở ngừng hoạt động chăn nuôi hoặc tự di dời cơ sở cũ**

**ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi**

*(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-UBND ngày /8/2024 của UBND tỉnh)*

|  |  |
| --- | --- |
| Mẫu số 1 | Bản kê khai hoạt động chăn nuôi |
| Mẩu số 2 | Đơn đề nghị hỗ trợ để ổn định đời sống, sản xuất và di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi |
| Mẫu số 3 | Bảng tổng hợp đề xuất (hoặc kết quả thực hiên) hỗ trợ để ổn định đời sống, sản xuất, hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi |

**Mẫu số 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**KÊ KHAI HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI[[1]](#footnote-1)**

Họ, tên chủ cơ sở: ……………………………………………………………

Địa chỉ: …………………………………………………………………......

Số điện thoại (nếu có):........................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại vật nuôi trong quý** | **Số lượng nuôi trong quý (con)** | **Mục đích nuôi** | **Thời gian bắt đầu nuôi** | **Dự kiến thời gian xuất** | **Số lượng vật nuôi xuất trong quý (con)** | **Sản lượng dự kiến (kg)** |
| 1 | Trâu |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Bò |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Lợn |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Dê |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Cừu |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Gà |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Vịt |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Ngan, ngỗng, chim cút |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Vật nuôi khác |  |  |  |  |  |  |

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| *……, ngày ……. tháng ……. năm …*  **Xác nhận của thôn, khu phố**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)* | *………, ngày ……. tháng ……. năm …*  **CHỦ CƠ SỞ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)* |

**Mẫu số 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ VÀ CAM KẾT**

**NGỪNG HOẠT ĐỘNG CHĂN NUÔI VÀ** **DI DỜI CƠ SỞ CHĂN NUÔI**

**RA KHỎI KHU VỰC KHÔNG ĐƯỢC PHÉP CHĂN NUÔI**

*………,ngày ….. tháng ….. năm 20……*

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)……………………. |

1. Họ và tên người chăn nuôi: ……………………………………………………

2. Sinh năm:……………………………………………………………………….

3. Số CMND (hoặc CCCD)…………………… ngày cấp:… /…./…….do CA….

……………………….cấp. Số điện thoại:………………………………………..

4. Địa chỉ thường trú: …………………………………………………………….

5. Có chăn nuôi gia súc, gia cầm như sau:

a) Đối tượng nuôi 1: ……………………………. ……………….........................

Số lượng: …………….......con. Trọng lượng …………………..kg

b) Đối tượng nuôi 2: ……………………… . ……………………........................

Số lượng: ……………… con. Trọng lượng ………… .............kg

c) Đối tượng nuôi 3: ……………………. …………………….............................

Số lượng: ……………… con. Trọng lượng …………..............kg

Tổng số đơn vị vật nuôi:……………………………...ĐVN

5. Địa điểm chăn nuôi trước khi di dời:…………………………………………..

…………………………………………………………………………………….

6. Thời gian ngừng hoạt động chăn nuôi:............ ..................................................

7. Thời gian di dời cơ sở chăn nuôi: ............ ……………………………………..

8. Đến địa điểm được phép chăn nuôi:……………………………………………

…………………………………………………………………………………….

Sau khi nghiên cứu Nghị quyết số: 20/2021/NQ-HĐND ngày 11 tháng12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khu vực không được phépchăn nuôi, vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; tôi nhận rõ trách nhiệm của gia đình trong việc ngưng hoạt động chăn nuôi trong khu dân cư và di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi.

Tôi làm đơn này đề nghị các cấp chính quyền xem xét cho Tôi được hưởng các chính sách hỗ trợ theo qui định. Tôi cam kết chấp hành đầy đủ các chủ trương và trách nhiệm khi ngừng hoạt động chăn nuôi trong khu dân cư hoặc di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xác nhận**  **của** **UBND xã (phường, thị trấn**) **nơi chăn nuôi cũ** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | **Xác nhận**  **của** **UBND xã nơi đến chăn nuôi**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* | **Người làm đơn** *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**Mẫu số 3**

**ỦY BAN NHÂN DÂN ………………….**

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT (HOẶC KẾT QUẢ THỰC HIỆN) HỖ TRỢ**

**CHĂN NUÔI ĐỀ ỒN ĐỊNH ĐỜI SỐNG SẢN XUẤT**

(Từ ngày.... tháng.... năm ……. đến ngày ….. tháng.... năm....)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Địa phương (huyện, xã)** | **Tổng hợp đơn vị vật nuôi (ĐVVN)** | | | | | **Kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)** | | |
| **Tổng đơn vị vật nuôi** | **Trâu, bò** | **Lợn** | **Gia cầm** | **Gia súc khác** | **Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất** | **Hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi** | **Tông kinh phí hỗ trợ** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
|  | **TỔNG SỐ** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | …………. |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | |  |  |  |  |  |  |  |

**Ghi chú:** *UBND cấp huyện, xã sử dụng mẫu bảng nêu trên để tổng hợp đề xuất và báo cáo kết quả thực hiện với UBND cấp trên;UBND cấp tỉnh sử dụng để báo cáo kết quả thực hiện với các bộ ngành trung ương.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..….., ngày ….. tháng ….. năm …..* **Chủ tịch UBND …………..** *(Ký tên đóng dấu)* |

1. Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 [↑](#footnote-ref-1)